



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~44~~ KTA-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~14~~ tháng 8 năm 2025

V/v Giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN
tại Báo cáo KQHĐKD cho kỳ hoạt động 6
tháng kết thúc ngày 30/6/2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 và tình hình thực tế của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (mã chứng khoán: PGD).

PGD xin giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo KQHĐKD cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 giảm 58,2% so với cùng kỳ năm 2024, cụ thể như sau:

1. Tổng hợp một số chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	Chênh lệch	% tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7) = (6)/(4)
1	Sản lượng khí	MMBTU	18.862.215,3	18.043.878,5	818.336,8	4,5%
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	5.532.734.113.773	5.191.385.759.945	341.348.353.828	6,6%
3	Giá vốn hàng bán	Đồng	5.209.450.605.290	4.779.360.919.016	430.089.686.274	9,0%
4	Lợi nhuận gộp	Đồng	323.283.508.483	412.024.840.929	(88.741.332.446)	-21,5%
5	Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu	%	5,8%	7,9%	-2,1%	-26,5%
6	Chi phí hoạt động và chi phí khác	Đồng	263.141.189.222	230.028.711.763	33.112.477.459	14,4%
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	79.527.569.043	195.978.727.283	(116.451.158.240)	-59,4%
8	Thuế TNDN	Đồng	15.183.016.602	42.208.829.082	(27.025.812.480)	-64,0%
9	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	64.344.552.441	153.769.898.201	(89.425.345.760)	-58,2%

2. Nguyên nhân:

Sản lượng khí (Chỉ tiêu 1) tăng 818.336,8 MMBTU (tương đương 4,5%) so với cùng kỳ năm 2024 do nhóm khách hàng sản xuất CNG tăng sản lượng tiêu thụ 12,9% so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên, khách hàng công nghiệp vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là nhóm khách hàng liên quan đến lĩnh vực bất động sản (gạch men, sắt thép, vật liệu xây dựng,...). Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Chỉ tiêu 2) tăng 341.348.353.828 đồng (tương đương 6,6%), trong khi đó Giá vốn hàng bán (Chỉ tiêu 3) tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước do tác động của tình hình thị trường nhiên liệu nói chung và giá dầu nói riêng, dẫn đến lợi nhuận gộp (Chỉ tiêu 4) giảm 88.741.332.446 đồng (tương đương 21,5%) làm cho Lợi nhuận trước thuế (Chỉ tiêu 7) giảm 116.451.158.240 đồng (tương đương 59,4%) so với cùng kỳ năm 2024. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế (Chỉ tiêu 9) giảm 89.425.345.760 đồng (tương đương 58,2%) so với cùng kỳ năm 2024.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS, BGĐ;
- Người CBTT; 
- Lưu: VT, TCKT.HMH.02.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Phạm Hồng Minh

